

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaBond®-124 Instant Nails



Phiên bản 1.1 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2020/08/05 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000032883 Ngày ban hành cuối cùng: 2020/07/28 Ngày ban hành đầu tiên: 2020/07/28

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : SikaBond®-124 Instant Nails

Mã sản phẩm : 100000032883

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : Sika Limited (Vietnam)
Nhon Trach 1 Industrial Zone
Dong Nai Province

Điện thoại : +84 251 3 560 700

Telefax : +84 251 3 560 699

Địa chỉ e-mail : -

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : -

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

sử dụng sản phẩm : chất kết dính(dùng cho mục đích trám khe)/ keo

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Chất lỏng dễ cháy : Cấp 2

Ăn mòn/kích ứng da : Cấp 2

Nhạy cảm với da : Cấp 1

Độc tính sinh sản : Cấp 2

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn : Cấp 3 (Hệ thần kinh trung ương)

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại : Cấp 2

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 3

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 2

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaBond®-124 Instant Nails



Phiên bản 1.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2020/08/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000032883	Ngày ban hành cuối cùng: 2020/07/28 Ngày ban hành đầu tiên: 2020/07/28
------------------	---	--	--

- Từ cảnh báo : Nguy hiểm
- Cảnh báo nguy hiểm : H225 Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.
H315 Gây kích ứng da.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
H361 Nghi ngờ là có hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ chưa sinh.
H373 Có thể gây tổn thương cho các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
H402 Có hại đối với sinh vật thủy sinh.
H411 Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
- Các lưu ý phòng ngừa : **Biện pháp phòng ngừa:**
P201 Tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
P202 Không được thao tác hoặc sử dụng cho tới khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc kỹ và hiểu rõ.
P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. - Không hút thuốc.
P233 Đóng chặt thùng chứa.
P240 Tiếp đất và kết nối tất cả các thùng chứa và thiết bị thu nhận.
P241 Sử dụng các thiết bị điện/ thông gió/ chiếu sáng/ chống cháy nổ.
P242 Sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa điện.
P243 Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.
P260 Không được hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước.
P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
P271 Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc ở khu vực có sự thông thoáng tốt.
P272 Không nên mang quần áo lao động đã nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.
- Biện pháp ứng phó:**
P303 + P361 + P353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay tất cả các quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước.
P304 + P340 + P312 NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân tới chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở. Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.
P308 + P313 NẾU đã bị hoặc có lo lắng đến phơi nhiễm: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P333 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da hoặc nổi mẩn: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P362 + P364 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc và giặt sạch trước khi sử dụng.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaBond®-124 Instant Nails



Phiên bản 1.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2020/08/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000032883	Ngày ban hành cuối cùng: 2020/07/28 Ngày ban hành đầu tiên: 2020/07/28
------------------	---	--	--

P370 + P378 Trong trường hợp cháy: Sử dụng cát, hóa chất khô hoặc bột chịu cồn để dập tắt.
P391 Thu hồi chất tràn đổ.

Lưu trữ:

P403 + P233 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ thùng chứa luôn đóng kín.

P403 + P235 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ sản phẩm ở nhiệt độ mát.

P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Naphtha (petroleum), hydrotreated light	64742-49-0	>= 25 -< 30
Resin acids and Rosin acids, fumarated, esters with pentaerythritol	94581-15-4	>= 7 -< 10
2,6-di-tert-butyl-p-cresol	128-37-0	>= 0,5 -< 1
amide wax	Không được chỉ định	>= 0,5 -< 1

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.
Tham vấn bác sĩ.
Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sĩ chăm sóc.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Di chuyển ra nơi có không khí trong lành.
Hỏi ý kiến bác sĩ sau khi tiếp xúc nhiều.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Ngay lập tức cởi bỏ quần áo và giày bị nhiễm.
Rửa sạch bằng xà bông và thật nhiều nước.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Gỡ bỏ kính áp tròng.
Mở rộng mắt khi rửa.
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Xúc miệng bằng nước và sau đó uống thật nhiều nước.
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaBond®-124 Instant Nails



Phiên bản 1.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2020/08/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000032883	Ngày ban hành cuối cùng: 2020/07/28 Ngày ban hành đầu tiên: 2020/07/28
------------------	---	--	--

Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : các ảnh hưởng gây kích ứng
Các ảnh hưởng gây nhạy cảm
Các phản ứng dị ứng
Viêm da
Mất cân bằng
Chóng mặt
xem chương 11 để biết thêm thông tin chi tiết về ảnh hưởng sức khỏe & các triệu chứng
Gây kích ứng da.
Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
Nghỉ ngơi là có hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ chưa sinh.
Có thể gây tổn thương cho các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Điều trị theo triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Bột chịu cồn.
Carbon đioxit (CO₂)
Hóa chất khô

Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Nước

Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Chưa từng biết có các sản phẩm gây nổ độc hại

Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chữa không mở.
Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung.
Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Trong trường hợp hỏa hoạn, đeo các dụng cụ thở cá nhân.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
Di chuyển tất cả các nguồn gây cháy.
không được phép vào khi chưa được trang bị an toàn

Các cảnh báo về môi trường : Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaBond®-124 Instant Nails



Phiên bản 1.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2020/08/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000032883	Ngày ban hành cuối cùng: 2020/07/28 Ngày ban hành đầu tiên: 2020/07/28
------------------	---	--	--

Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Hút khô bằng các vật liệu hút nước trơ (ví dụ như cát, silicagen, chất liên kết axit, chất liên kết phổ thông, mùn cưa).

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Để xa các nguồn nhiệt/ tia lửa/ lửa/ các bề mặt nóng. Không hút thuốc.
các biện pháp ngăn ngừa sự phóng tĩnh điện

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Không hít hơi hoặc bụi sương.
Tránh vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cho phép (xem phần 8).
Không để hóa chất rơi vào mắt, lên da, hoặc quần áo.
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Không nên sử dụng người có tiền sử bệnh về da, hen suyễn, dị ứng, bệnh hô hấp mãn tính hoặc dễ tái phát trong bất cứ quy trình nào có sử dụng chất pha chế này.
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.
Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.
Mở các thùng chứa cẩn thận vì có thể có áp suất bên trong.
tuân theo các tiêu chuẩn khi xử lý các sản phẩm hóa chất

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Lưu giữ trong bình chứa ban đầu.
Lưu trữ ở nơi có nhiệt độ mát.
Để tại nơi thông gió tốt.
Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.
Lưu trữ theo các quy định của địa phương.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
2,6-di-tert-butyl-p-cresol	128-37-0	TWA (Bụi hạt và hơi hít phải vào phổi)	2 mg/m ³	ACGIH

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Sử dụng thiết bị bảo vệ đường hô hấp trừ khi có hệ thống thông gió nội bộ phù hợp hoặc việc đánh giá chứng tỏ rằng sự tiếp xúc nằm trong giới hạn phơi nhiễm đề xuất.
Loại bộ lọc cho mặt nạ phải phù hợp với nồng độ ô nhiễm tối đa (khí/hơi/aerosol/hạt) có thể xuất hiện khi thao tác với sản

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaBond®-124 Instant Nails



Phiên bản 1.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2020/08/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000032883	Ngày ban hành cuối cùng: 2020/07/28 Ngày ban hành đầu tiên: 2020/07/28
------------------	---	--	--

phẩm. Nếu vượt quá nồng độ này phải dùng bộ dụng cụ thở cá nhân..

Bảo vệ tay	:	sử dụng găng tay kháng hóa chất, không thấm trong suốt quá trình thao tác với các sản phẩm hóa chất
Bảo vệ mắt	:	phải sử dụng kính mắt an toàn khi đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết
Bảo vệ da và cơ thể	:	Chọn đồ bảo hộ theo loại, nồng độ và lượng các chất nguy hiểm theo từng nơi làm việc cụ thể.
Các biện pháp vệ sinh	:	Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp. Không được ăn hoặc uống khi sử dụng. Không hút thuốc khi sử dụng. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	:	Bột nhão
Màu sắc	:	màu nâu
Mùi đặc trưng	:	đặc tính
Ngưỡng mùi	:	chưa có dữ liệu
Độ pH	:	Không áp dụng được
Điểm/khoảng nóng chảy / Điểm đông	:	chưa có dữ liệu
Điểm sôi/khoảng sôi	:	chưa có dữ liệu
Điểm cháy	:	< 23 °C (< 23 °C) (Phương pháp: cốc kín)
Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	40 hPa
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa có dữ liệu

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaBond®-124 Instant Nails



Phiên bản 1.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2020/08/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000032883	Ngày ban hành cuối cùng: 2020/07/28 Ngày ban hành đầu tiên: 2020/07/28
------------------	---	--	--

Mật độ	:	Khoảng 1,16 g/cm ³ (20 °C (20 °C))
Độ hòa tan	:	
Độ hòa tan trong nước	:	chưa có dữ liệu
Độ hòa tan trong các dung môi khác	:	chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt	:	
Độ nhớt, động lực	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt, động học	:	> 40 mm ² /s (40 °C (40 °C))
Đặc tính cháy nổ	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính oxy hóa	:	chưa có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Tính ổn định	:	Sản phẩm này ổn định về mặt hóa học.
Phản ứng nguy hiểm	:	Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị. Hơi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ khi tiếp xúc với không khí.
Các điều kiện cần tránh	:	Nhiệt, lửa và tia lửa.
Vật liệu không tương thích	:	chưa có dữ liệu

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc cấp tính

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

2,6-di-tert-butyl-p-cresol:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 đường miệng (Chuột): 2.930 mg/kg

Ăn mòn/kích ứng da

Gây kích ứng da.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaBond®-124 Instant Nails



Phiên bản 1.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2020/08/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000032883	Ngày ban hành cuối cùng: 2020/07/28 Ngày ban hành đầu tiên: 2020/07/28
------------------	---	--	--

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Kích thích hô hấp hoặc da

Nhạy cảm với da

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nhạy cảm với hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Tác nhân gây ung thư

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Độc tính sinh sản

Nghi ngờ là có hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ chưa sinh.

STOT - Tiếp xúc một lần

Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Có thể gây tổn thương cho các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

Độc tính hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Thành phần:

Resin acids and Rosin acids, fumarated, esters with pentaerythritol:

Độc đối với cá : LC50 (Danio rerio (cá vàng)): > 400 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

chưa có dữ liệu

Khả năng tích lũy sinh học

chưa có dữ liệu

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : Việc quản lý hoặc tiêu hủy không chuyên nghiệp có thể gây ra các hậu quả về môi trường
Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaBond®-124 Instant Nails



Phiên bản 1.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2020/08/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000032883	Ngày ban hành cuối cùng: 2020/07/28 Ngày ban hành đầu tiên: 2020/07/28
------------------	---	--	--

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

- Chất thải từ cặn : Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vớt xuống đất.
Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép
- Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.
Không sử dụng hoặc đốt đèn trên thùng rỗng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

- Số hiệu UN : UN 1133
Tên vận chuyển thích hợp : ADHESIVES
Hạng : 3
Nhóm hàng : III
Nhãn : 3

IATA-DGR

- Số UN/ID : UN 1133
Tên vận chuyển thích hợp : Adhesives
Hạng : 3
Nhóm hàng : III
Nhãn : Flammable Liquids
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay) : 366
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay) : 355

Mã IMDG

- Số hiệu UN : UN 1133
Tên vận chuyển thích hợp : ADHESIVES
Hạng : 3
Nhóm hàng : III
Nhãn : 3
Mã EmS : F-E, S-D
Chất ô nhiễm đại dương : có

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC

Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaBond®-124 Instant Nails



Phiên bản 1.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2020/08/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000032883	Ngày ban hành cuối cùng: 2020/07/28 Ngày ban hành đầu tiên: 2020/07/28
------------------	---	--	--

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Phân loại vận chuyển được nêu ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu chưa đóng gói như được mô tả trong Phiếu An Toàn Hóa Chất. Phân loại vận chuyển có thể thay đổi tùy theo phương tiện vận chuyển, kích thước bao bì và nhiều yếu tố khác theo quy định của vùng hoặc quốc gia.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Danh mục các tiền chất và hóa chất độc của Công ước : Không áp dụng được
Vũ khí Hóa học Quốc tế (CWC)

Danh mục hóa chất cấm : Không bị cấm hoặc bị hạn chế

Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện (Phụ lục 1 Số: 28/2010/TT-BCT). : Không bị cấm hoặc bị hạn chế

Danh mục hóa chất phải khai báo : Không bị cấm hoặc bị hạn chế

Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh : Không bị cấm hoặc bị hạn chế

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ACGIH	: Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH
ACGIH / TWA	: 8 giờ, trung bình tính theo thời gian
ADR	: Accord européen relatif au transport international des marchandises Dangereuses par Route
CAS	: Chemical Abstracts Service
DNEL	: Derived no-effect level
EC50	: Half maximal effective concentration
GHS	: Globally Harmonized System
IATA	: International Air Transport Association
IMDG	: International Maritime Code for Dangerous Goods
LD50	: Median lethal dosis (the amount of a material, given all at once, which causes the death of 50% (one half) of a group of test animals)
LC50	: Median lethal concentration (concentrations of the chemical in air that kills 50% of the test animals during the observation period)
MARPOL	: International Convention for the Prevention of Pollution from Ships, 1973 as modified by the Protocol of 1978
OEL	: Occupational Exposure Limit
PBT	: Persistent, bioaccumulative and toxic

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaBond®-124 Instant Nails



Phiên bản 1.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2020/08/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000032883	Ngày ban hành cuối cùng: 2020/07/28 Ngày ban hành đầu tiên: 2020/07/28
------------------	--	---	--

PNEC	:	Predicted no effect concentration
REACH	:	Regulation (EC) No 1907/2006 of the European Parliament and of the Council of 18 December 2006 concerning the Registration, Evaluation, Authorisation and Restriction of Chemicals (REACH), establishing a European Chemicals Agency
SVHC	:	Substances of Very High Concern
vPvB	:	Very persistent and very bioaccumulative

thông tin trong bảng dữ liệu an toàn tương ứng với kiến thức & kinh nghiệm của chúng tôi tại thời điểm công bố
VN / VI